

DỰ THẢO

HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ

1. Hướng dẫn sử dụng Huy hiệu Công đoàn:

1.1. Huy hiệu Công đoàn được sử dụng thống nhất trong hoạt động của công đoàn các cấp, đúng màu sắc, bố cục như huy hiệu in trên Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

1.2. Những trường hợp bắt buộc sử dụng Huy hiệu Công đoàn gồm:

- a. Đại hội, hội nghị công đoàn các cấp;
- b. Lễ kết nạp đoàn viên, lễ thành lập tổ chức công đoàn, lễ kỷ niệm ngày truyền thống của tổ chức Công đoàn Việt Nam;
- c. Trụ sở hoặc nơi làm việc của công đoàn các cấp;
- d. Văn kiện in thành sách của công đoàn các cấp;
- đ. Thẻ đoàn viên công đoàn;
- e. Các công trình, sản phẩm, trang phục nhận diện Công đoàn Việt Nam.

2. Bài hát truyền thống của Công đoàn Việt Nam

2.1. Tên bài hát: Hãy hát lên bài ca công đoàn

2.2. Các nghi lễ chào cờ tại Đại hội, hội nghị của tổ chức công đoàn sau Quốc ca là bài hát truyền thống “Hãy hát lên bài ca công đoàn”.

2.3. Khuông nhạc và lời bài hát:...

3. Đối tượng và điều kiện gia nhập Công đoàn Việt Nam theo Điều 1:

3.1. Đối tượng gia nhập tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Người Việt Nam làm công hưởng lương trong các đơn vị sử dụng lao động đang hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

a. Cán bộ, công chức, viên chức, lao động đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp; cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp. Đối với cơ quan xã, phường, thị trấn bao gồm cả những người hưởng lương, định suất lương, phụ cấp đang làm việc trong cơ quan hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

b. Người lao động làm công hưởng lương đang làm việc trong các đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c. Người Việt Nam đang làm việc trong các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ tại Việt Nam.

d. Người Việt Nam lao động tự do, hợp pháp thuộc khu vực lao động phi chính thức, nếu có nguyện vọng thì được gia nhập Công đoàn Việt Nam và được sinh hoạt theo nghiệp đoàn.

đ. Người lao động được cơ quan có thẩm quyền cử làm đại diện quản lý phần vốn của Nhà nước, đang giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

3.2. Đối tượng không kết nạp vào tổ chức Công đoàn Việt Nam.

a. Người lao động có quốc tịch nước ngoài đang làm việc ở Việt Nam;

b. Người quản lý doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp bao gồm: Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại điều lệ công ty.

c. Hiệu trưởng, viện trưởng; phó hiệu trưởng, phó viện trưởng được ủy quyền quản lý đơn vị hoặc ký hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

d. Xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp.

đ. Người đang trong thời gian chấp hành các hình phạt tù theo quyết định của tòa án.

3.3. Người đang là đoàn viên hoặc cán bộ công đoàn, khi chuyển sang đảm nhiệm vị trí thuộc đối tượng không kết nạp vào tổ chức Công đoàn Việt Nam tại mục 3.2 nêu trên, thì đương nhiên thôi là đoàn viên, thôi là cán bộ công đoàn. Trường hợp các đối tượng trên có nguyện vọng tiếp tục được tham gia sinh hoạt công đoàn, do ban chấp hành công đoàn cơ sở xem xét để công nhận là đoàn viên danh dự. Người là đoàn viên danh dự có quyền và nhiệm vụ như đoàn viên công đoàn trừ quyền biểu quyết các công việc của tổ chức công đoàn; ứng cử, đề cử, bầu cử đại biểu chính thức dự đại hội công đoàn cấp trên và các cơ quan lãnh đạo của tổ chức công đoàn.

3.4. Khuyến khích người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người nước ngoài lao động hợp pháp tại Việt Nam, tham gia các hình thức tập hợp của tổ chức Công đoàn Việt Nam như sau:

a. Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hình thành hội lao động đồng hương; hội những người có cùng nghề nghiệp, cùng địa phương; câu lạc bộ người lao động Việt Nam ở nước ngoài, được Công đoàn Việt Nam hỗ trợ thông qua việc cung cấp thông tin về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động của Công đoàn Việt Nam; các hình thức bảo vệ, tự bảo vệ quyền lợi của người lao động; về chương trình hợp tác của Công đoàn Việt Nam với tổ chức công đoàn nước sở tại (nếu có) trong việc hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...

b. Người nước ngoài lao động hợp pháp tại Việt Nam hình thành các hội, câu lạc bộ để tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện, hoạt động quần chúng, được Công đoàn Việt Nam hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể

thao, các chương trình từ thiện, các phong trào thi đua do công đoàn phát động; được thăm hỏi, động viên, hỗ trợ khi có khó khăn vướng mắc hoặc khi có đề nghị của công đoàn quốc tế có quan hệ hợp tác với Công đoàn Việt Nam.

4. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam và chuyển sinh hoạt công đoàn theo Điều 3:

4.1. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam:

a. Người vào công đoàn phải tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam và có đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam. Trường hợp đơn của tập thể người lao động phải có chữ ký của từng người lao động.

b. Nơi đã có công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở thu nhận đơn, xem xét, quyết định kết nạp và tổ chức lễ kết nạp đoàn viên.

- Trong buổi lễ có thể cùng lúc kết nạp nhiều đoàn viên; những người được kết nạp phải có mặt tại buổi lễ (trừ trường hợp có lý do đặc biệt), công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở công bố quyết định kết nạp đoàn viên, trao quyết định và trao thẻ cho đoàn viên công đoàn.

- Những đơn vị có đông người lao động, ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có thể uỷ quyền cho công đoàn cơ sở thành viên hoặc công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn trực thuộc tổ chức lễ kết nạp đoàn viên.

c. Nơi chưa có công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở:

- Người lao động nộp đơn xin gia nhập công đoàn cho công đoàn cấp trên nơi gần nhất hoặc ban vận động thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở (nếu có).

- Trong thời gian 3 tháng, nếu nơi người lao động có đơn xin gia nhập công đoàn, chưa đủ điều kiện thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, thì công đoàn cấp trên xem xét, quyết định kết nạp đoàn viên và phân công sinh hoạt ghép tại công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở gần nơi đoàn viên làm việc, cho đến khi thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

- Trường hợp có đủ người lao động liên kết thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo quy định, thì ban vận động tổ chức hội nghị thành lập công đoàn cơ sở và đề nghị công đoàn cấp trên công nhận đoàn viên, công nhận công đoàn cơ sở theo quy định.

4.2. Sử dụng thẻ đoàn viên công đoàn trong các trường hợp sau:

a. Biểu quyết tại đại hội, hội nghị của tổ chức công đoàn khi cần thiết.

b. Xuất trình thẻ đoàn viên khi: chuyển sinh hoạt công đoàn; tham gia các hoạt động do công đoàn tổ chức (khi có yêu cầu); cần tư vấn, giúp đỡ của các cơ quan công đoàn.

c. Xuất trình thẻ đoàn viên với công đoàn cấp trên để được tham gia sinh hoạt tạm thời khi nơi làm việc chưa có tổ chức công đoàn, tổ chức công đoàn

nơi làm việc bị giải thể hoặc trong thời gian nghỉ việc do chấm dứt hợp đồng lao động chưa tìm được việc làm.

4.3. Công tác quản lý thẻ đoàn viên công đoàn:

a. Thẻ đoàn viên công đoàn do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn thống nhất quản lý về phân phối, mã số thẻ và phân cấp cho liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương thực hiện in thẻ đoàn viên.

b. Thẻ đoàn viên được trao trong buổi lễ kết nạp hoặc sau khi được kết nạp. Đoàn viên nhận thẻ phải thực hiện đúng nguyên tắc sử dụng thẻ đoàn viên, khi mất hoặc hỏng phải báo ngay với công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở nơi đang sinh hoạt để được cấp lại hoặc đổi thẻ đoàn viên. Khi phát hiện thẻ đoàn viên giả phải báo cáo kịp thời với công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở hoặc công đoàn cấp trên.

c. Đoàn viên ra khỏi tổ chức công đoàn, bị khai trừ khỏi tổ chức công đoàn thì công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở nơi đoàn viên công đoàn đang sinh hoạt thu lại thẻ đoàn viên và xoá tên trong danh sách đoàn viên.

d. Đoàn viên khi nghỉ hưu hoặc nghỉ làm việc được giữ lại thẻ đoàn viên công đoàn.

4.4. Thủ tục chuyển sinh hoạt công đoàn:

a. Khi chuyển nơi làm việc, đoàn viên xuất trình thẻ để được sinh hoạt công đoàn tại nơi đến. Trường hợp đoàn viên chưa được nhận thẻ, công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở nơi đoàn viên công đoàn chuyển đi có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt công đoàn cho đoàn viên.

b. Trường hợp nơi đoàn viên làm việc chưa có tổ chức công đoàn thì đoàn viên liên hệ với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi gần nhất theo địa giới hành chính để được hướng dẫn, giúp đỡ tiếp tục sinh hoạt công đoàn.

c. Đoàn viên đã ra khỏi tổ chức công đoàn, nếu có nguyện vọng gia nhập lại tổ chức công đoàn thì làm đơn gửi lên công đoàn cấp trên để xem xét kết nạp lại. Trường hợp người lao động được kết nạp lại thì công đoàn cấp trên thông báo nơi sinh hoạt của đoàn viên, hoặc không được kết nạp lại thì công đoàn cấp trên thông báo để người lao động biết.

5. Cán bộ công đoàn theo Điều 4:

5.1. *Cán bộ công đoàn bao gồm:* Tổ trưởng, tổ phó công đoàn, ủy viên ban chấp hành công đoàn các cấp; ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp, thành viên các ban quản chúng của công đoàn các cấp thông qua bầu cử hoặc cấp công đoàn có thẩm quyền chỉ định. Cán bộ, công chức làm công tác nghiệp vụ công đoàn trong bộ máy tổ chức của công đoàn các cấp.

5.2. *Quản lý cán bộ công đoàn:*

- Cán bộ công đoàn chuyên trách và không chuyên trách do tổ chức công đoàn ra quyết định công nhận (theo phân cấp đối với từng cấp công đoàn).

- Cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ nguồn tài chính công đoàn do công đoàn trực tiếp quản lý, thực hiện chính sách cán bộ theo quy định phân cấp của Đảng và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Cán bộ công đoàn chuyên trách không hưởng lương từ nguồn tài chính công đoàn và cán bộ công đoàn không chuyên trách thì việc quản lý và thực hiện chính sách cán bộ do tổ chức công đoàn và doanh nghiệp, đơn vị cùng phối hợp thực hiện theo nguyên tắc: doanh nghiệp, đơn vị thực hiện trả lương, nâng ngạch, bậc lương và các chế độ, chính sách quản lý cán bộ theo quy định chung của doanh nghiệp, đơn vị. Công đoàn cấp trên chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ và nội dung hoạt động công đoàn; giám sát việc thực hiện chính sách đối với cán bộ công đoàn theo quy định của pháp luật và thực hiện chế độ phụ cấp theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

5.3. Đoàn viên công đoàn giữ chức danh phó tổng giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng nhân sự trở lên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước; tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp nhà nước, thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khu vực nhà nước không được kiêm nhiệm chức danh chủ tịch công đoàn đồng cấp.

6. Đại hội công đoàn các cấp theo Điều 8:

6.1. Nhiệm kỳ đại hội của công đoàn cơ sở thành viên công đoàn bộ phận theo nhiệm kỳ của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn **hàng năm** tổ chức hội nghị toàn thể (không tổ chức đại hội) để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn và bầu tổ trưởng, tổ phó tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

6.2. Công đoàn cấp trên được điều chỉnh nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp dưới trong các trường hợp sau:

a. Công đoàn cấp trên phải kéo dài nhiệm kỳ đại hội để phù hợp tiến độ đại hội công đoàn các cấp theo kế hoạch đại hội Công đoàn Việt Nam.

b. Công đoàn cấp trên mới thành lập, sáp nhập, hợp nhất, sắp đến kỳ đại hội lần thứ nhất mà công đoàn cấp dưới đã đủ nhiệm kỳ đại hội 5 năm.

c. Công đoàn cấp dưới mới thành lập, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức đại hội lần thứ nhất chưa đủ nhiệm kỳ 5 năm.

d. Công đoàn cấp dưới tổ chức đại hội sau thời gian hoạt động của ban chấp hành lâm thời theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Điều lệ Công đoàn Việt Nam, chưa đủ nhiệm kỳ 5 năm.

6.3. Cách tính thứ tự kỳ đại hội công đoàn các cấp:

- Đối với tổ chức công đoàn khi chia tách được kế thừa nhiệm kỳ trước lúc chia tách.

- Đối với tổ chức công đoàn khi sáp nhập, hợp nhất, nếu giữ nguyên tên gọi của tổ chức công đoàn nào thì tiếp tục kế thừa nhiệm kỳ trước của tổ chức công đoàn đó, nếu có tên gọi mới thì đại hội sau khi sáp nhập, hợp nhất, được tính là nhiệm kỳ thứ nhất.

- Đối với công đoàn cơ sở do có sự thay đổi về mô hình tổ chức được nâng cấp thành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hạ cấp thành công đoàn cơ sở thì đại hội sau khi nâng cấp, hạ cấp được tính là nhiệm kỳ thứ nhất.

6.4. Đối tượng tổ chức đại hội đại biểu và đại hội toàn thể đoàn viên:

a. Đối tượng tổ chức đại hội đại biểu:

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên.
- Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có **từ 200** đoàn viên trở lên.
- Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có **dưới 200** đoàn viên nhưng hoạt động phân tán, lưu động, khó khăn trong việc tổ chức đại hội toàn thể thì có thể tổ chức đại hội đại biểu khi được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý.

b. Đối tượng tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên:

- Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận có **dưới 200** đoàn viên.

- Trường hợp có **từ 200** đoàn viên trở lên, việc tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên do ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở quyết định hoặc khi có quá một phần hai (1/2) đoàn viên yêu cầu đại hội toàn thể.

- Công đoàn cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên khi thấy cần thiết.

c. Một số trường hợp đặc biệt

- Những công đoàn cơ sở hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, nếu chuẩn bị tốt các điều kiện về công nghệ thông tin và nhân lực điều hành, phục vụ, có thể tổ chức đại hội, hội nghị công đoàn trực tuyến, khi được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp.

- Việc tổ chức đại hội, hội nghị công đoàn trực tuyến phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc của tổ chức công đoàn; khuyến khích các công đoàn cơ sở có đông đoàn viên tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên, khi được tiến hành theo phương thức trực tuyến.

6.5. Số lượng đại biểu chính thức dự đại hội:

a. Số lượng đại biểu chính thức dự đại hội công đoàn các cấp do ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập quyết định căn cứ vào số lượng đoàn viên, số lượng công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở và điều kiện cụ thể của đơn vị, như sau:

- Đại hội đại biểu công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, triệu tập tối thiểu 100 đại biểu, tối đa 150 đại biểu; công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có từ 5.000 đoàn viên trở lên tối đa 200 đại biểu (trừ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên được phép tổ chức đại hội toàn thể theo quy định tại Mục 6.4 Hướng dẫn này).

- Đại hội công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở: Tối thiểu 150 đại biểu, tối đa 200 đại biểu.

- Đại hội công đoàn tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương:
- + Triệu tập tối thiểu 200 đại biểu.
- + Có dưới 80.000 đoàn viên: Không quá 250 đại biểu.
- + Có từ 80.000 đoàn viên đến dưới 100.000 đoàn viên: Không quá 300 đại biểu.
- + Có từ 100.000 đoàn viên đến 300.000 đoàn viên: Không quá 400 đại biểu.
- + Trên 300.000 đoàn viên: Không quá 500 đại biểu.
- Đại hội công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn: Không quá 250 đại biểu.
- Số lượng đại biểu triệu tập dự Đại hội Công đoàn Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định.

- Trường hợp đặc biệt cần tăng số lượng đại biểu chính thức phải được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý, số đại biểu tăng thêm không vượt quá 10%.

6.6. Điều kiện, tiêu chuẩn đại biểu chính thức dự đại hội:

- a. Phải là đoàn viên công đoàn, đang tham gia sinh hoạt trong tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam.
- b. Ủy viên đương nhiệm ban chấp hành trong nhiệm kỳ có tham dự trên 50% số kỳ họp, kể từ khi được bầu vào ban chấp hành công đoàn cùng cấp.
- c. Người không bị bác tư cách đại biểu theo quy định tại khoản 4, Điều 8 Điều lệ này.
- d. Người được giới thiệu để bầu cử hoặc chỉ định là đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên, phải có thêm các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Có điều kiện, khả năng tham gia xây dựng nghị quyết đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên; truyền đạt, triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên ở công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

- Được chỉ định hoặc được đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới bầu chọn theo đúng nguyên tắc, thể lệ bầu cử.

đ. Một số trường hợp thay đổi đại biểu:

- Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội, hội nghị quyết định khi có đề nghị của công đoàn cấp dưới.

- Trường hợp đã bầu đại biểu, nhưng có quyết định chia, tách công đoàn cấp đó thành một số công đoàn mới, thì công đoàn cấp triệu tập đại hội có thể quyết định cho bầu bổ sung một số đại biểu ở công đoàn mới chia, tách nhưng chưa có đại biểu.

- Trường hợp đã bầu đại biểu, nhưng do yêu cầu chia, tách, công đoàn đó được về trực thuộc công đoàn cấp trên mới, nếu công đoàn cấp trên mới chưa tiến

hành đại hội thì có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của công đoàn mới chuyển về và được tặng đại biểu triệu tập.

- Trường hợp đã bầu đại biểu, nhưng có quyết định giải thể công đoàn cấp đó, thì các đại biểu được bầu không còn là đại biểu chính thức đi dự đại hội công đoàn cấp trên.

- Các trường hợp thay đổi đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị phải được thể hiện trong báo cáo của ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội.

6.7. Trình tự nội dung chính của đại hội công đoàn các cấp được tiến hành theo quy trình sau:

- Chào cờ (Quốc ca và bài hát truyền thống của Công đoàn Việt Nam)
- Bầu đoàn chủ tịch, thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu.
- Diễn văn khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
- Thông qua chương trình, quy chế làm việc của đại hội.
- Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu.
- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng nhiệm kỳ tới.
- Thảo luận các văn kiện của đại hội.
- Phát biểu của công đoàn cấp trên, đại diện cấp uỷ đảng, chính quyền, chuyên môn.
- Tổ chức bầu cử theo quy trình.
- Thông qua nghị quyết đại hội.
- Diễn văn bế mạc
- Chào cờ.

6.8. Các cơ quan triệu tập và điều hành đại hội.

a. Ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội:

- Chịu trách nhiệm xây dựng chương trình làm việc của đại hội; dự kiến về số lượng, cơ cấu, thành phần và danh sách đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội trình đại hội thảo luận, thông qua bằng biểu quyết giơ tay (có thể biểu quyết thông qua một lần cả danh sách hoặc biểu quyết thông qua từng người). Trường hợp có ý kiến không tán thành về một hay nhiều thành viên trong đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu thì đại diện ban chấp hành cấp triệu tập đại hội trình lại dự kiến cơ cấu đề xin ý kiến đại hội. Nếu vẫn còn ý kiến không đồng ý thì ban chấp hành hoặc đại hội có quyền giới thiệu người khác bổ sung và đại hội thông qua bằng biểu quyết giơ tay.

- Xem xét, giải quyết và báo cáo ban thẩm tra tư cách đại biểu về kết quả giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đại biểu.

b. Đoàn chủ tịch.

Đoàn Chủ tịch đại hội, hội nghị là cơ quan điều hành các công việc của đại hội, hội nghị. Do đại hội, hội nghị bầu ra bằng hình thức biểu quyết số

lượng và nhân sự theo danh sách do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội, hội nghị giới thiệu.

Thành viên đoàn chủ tịch là những đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị. Trường hợp cần thiết có thể mời đại biểu là khách mời của đại hội, hội nghị tham gia đoàn chủ tịch với tư cách là thành viên danh dự. Số lượng thành viên danh dự tham gia đoàn chủ tịch không quá một phần năm (1/5) tổng số thành viên đoàn chủ tịch.

Đoàn chủ tịch đại hội điều hành công việc của đại hội theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số, có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Phân công thành viên điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội biểu quyết thông qua, chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết, lãnh đạo, điều hành các hoạt động của đại hội.

- Điều hành công tác nhân sự và tổ chức bầu cử ban chấp hành khóa mới, bầu cử đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên (nếu có).

- Nhận biên bản kết quả bầu cử và phiếu bầu đã niêm phong từ ban bầu cử để bàn giao cho ban chấp hành công đoàn khoá mới.

- Chỉ định triệu tập viên kỳ họp thứ nhất của ban chấp hành sau khi công bố kết quả bầu cử ban chấp hành công đoàn.

c. Đoàn thư ký.

- Đoàn thư ký do đại hội, hội nghị bầu ra bằng hình thức biểu quyết số lượng và nhân sự, theo danh sách do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội, hội nghị giới thiệu

- Đoàn thư ký có nhiệm vụ: Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội; quản lý và phát hành tài liệu có liên quan đến đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch đại hội; thu nhận, bảo quản và gửi đến ban chấp hành khóa mới đầy đủ hồ sơ, văn kiện chính thức của đại hội.

- Thư ký chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch đại hội về nhiệm vụ của thư ký; trưởng đoàn thư ký (nếu có) chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

6.9. Ban thẩm tra tư cách đại biểu

a. Ban Thẩm tra tư cách đại biểu do đại hội, hội nghị bầu ra bằng hình thức biểu quyết số lượng và nhân sự, theo danh sách do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội, hội nghị, giới thiệu.

b. Ban Thẩm tra tư cách đại biểu có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu các tài liệu về đại biểu đại hội do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội, hội nghị cung cấp. Căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu và các quy định, nguyên tắc của Điều lệ Công đoàn Việt Nam để xem xét tư cách đại biểu. Tổng hợp, phân tích và báo cáo trước đại hội về tình hình đại biểu và các trường hợp ban chấp hành đã xử lý do không đủ tư cách đại biểu theo quy định.

- Xem xét các đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đại biểu đại hội gửi đến trước ngày đại hội, hội nghị chính thức khai mạc **30 ngày** (tính từ ngày nhận được đơn, thư). Các đơn thư gửi sau thời điểm này ban thẩm tra tư cách đại biểu không xem xét giải quyết mà tổng hợp đầy đủ và chuyển hồ sơ cho ban chấp hành khóa mới hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Báo cáo việc thẩm tra tư cách đại biểu và kết luận việc xem xét các đơn thư đề đại hội, hội nghị thảo luận và quyết định bằng biểu quyết.

c. Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội chấm dứt nhiệm vụ sau khi đại hội, hội nghị biểu quyết thông qua tư cách đại biểu.

7. Hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp theo Điều 9:

7.1. Các trường hợp tổ chức hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể đoàn viên.

a. Công đoàn cơ sở thay đổi cơ bản về nhiệm vụ so với nghị quyết đại hội đề ra do đơn vị sử dụng lao động chuyển đổi hình thức sở hữu, chuyển đổi nội dung hoạt động.

b. Khi khuyết quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp trên cơ sở, quá hai phần ba (2/3) tổng số ủy viên ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở mà ban chấp hành chưa kịp tổ chức bầu cử bổ sung.

c. Có hai phần ba (2/3) số ủy viên ban chấp hành bị tổ chức công đoàn xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

7.2. Trường hợp không thể tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể thì công đoàn cấp trên trực tiếp cho phép tổ chức hội nghị ban chấp hành mở rộng. Số lượng, thành phần đại biểu dự hội nghị ban chấp hành mở rộng do ban chấp hành triệu tập hội nghị quyết định.

7.3. Đại biểu, trình tự nội dung, các cơ quan điều hành và thẩm tra tư cách đại biểu tại hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể thực hiện như Mục 6.6, Mục 6.7, Mục 6.8 và Mục 6.9 Hướng dẫn này.

8. Nguyên tắc, hình thức bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn theo Điều 10:

8.1. Ứng cử:

a. Đoàn viên công đoàn là đại biểu hoặc không là đại biểu dự đại hội đều có quyền ứng cử vào ban chấp hành công đoàn các cấp.

b. Đoàn viên công đoàn là đại biểu chính thức của đại hội ứng cử trực tiếp tại đại hội hoặc gửi đơn ứng cử đến đoàn chủ tịch đại hội.

c. Đoàn viên công đoàn không phải là đại biểu của đại hội nếu ứng cử thì chậm nhất 15 ngày làm việc, trước ngày khai mạc đại hội phải hoàn chỉnh hồ sơ ứng cử nộp ban chấp hành cấp triệu tập đại hội. Hồ sơ ứng cử gồm có: Đơn ứng cử; Bản khai lý lịch có xác nhận của cơ quan nơi đang làm việc; Bản nhận xét của công đoàn cơ sở nơi đoàn viên sinh hoạt.

d. Công đoàn cơ sở nơi đoàn viên sinh hoạt có trách nhiệm xác nhận, nhận xét về người ứng cử. Những vấn đề cần thẩm tra, xác minh nếu vượt quá thẩm quyền thì đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

đ. Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tư cách của người ứng cử.

e. Đoàn viên ứng cử đại biểu đi dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên phải là đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị.

8.2. Đề cử.

a. Ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội có quyền đề cử người tham gia vào ban chấp hành khoá mới, đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên (nếu có) và phải cung cấp lý lịch trích ngang từng người.

b. Các đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị có quyền đề cử người là đại biểu đại hội, hội nghị, hoặc đoàn viên công đoàn không phải là đại biểu đại hội, hội nghị vào ban chấp hành.

c. Trường hợp người được đề cử vào ban chấp hành không phải là đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị thì người giới thiệu có trách nhiệm cung cấp cho đại hội, hội nghị sơ yếu lý lịch người mình giới thiệu, có nhận xét của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở nơi sinh hoạt và nhất thiết phải được sự đồng ý bằng văn bản của người được giới thiệu.

d. Người được đề cử để bầu đại biểu đi dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên phải là đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị.

8.3. Danh sách bầu cử:

a. Đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo đầy đủ danh sách đề cử, ứng cử, người xin rút khỏi danh sách đề cử, ứng cử để đại hội thảo luận, quyết định.

b. Danh sách bầu cử được đại hội thông qua bằng biểu quyết giơ tay.

8.4. Các trường hợp bầu cử bằng hình thức biểu quyết giơ tay:

a. Bầu đoàn chủ tịch, thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu tại đại hội, hội nghị công đoàn các cấp.

b. Bầu ban kiểm phiếu tại đại hội, hội nghị công đoàn, hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp.

c. Bầu đại biểu dự khuyết dự đại hội công đoàn cấp trên.

d. Bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ủy ban kiểm tra; các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra mà nhân sự được chuẩn bị kỹ theo quy trình có văn bản giới thiệu của cấp có thẩm quyền và không có số dư.

đ. Việc bầu cử bổ sung Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch, Ủy ban kiểm tra, các chức danh trong Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn, do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định.

8.5. Ban kiểm phiếu.

a. Ban kiểm phiếu là cơ quan giúp việc bầu cử của đại hội do đoàn chủ tịch giới thiệu, đại hội, hội nghị biểu quyết thông qua. Người tham gia ban kiểm phiếu phải là đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị, không có tên trong danh sách bầu cử.

b. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ sau:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ bầu cử, hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu hoặc cách thức biểu quyết đối với trường hợp bầu bằng hình thức biểu quyết. Kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu và niêm phong thùng phiếu.

- Kiểm số phiếu phát ra và số phiếu thu về báo cáo đại hội; kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông qua biên bản kiểm phiếu trong ban bầu cử, công bố kết quả bầu cử, kết quả trúng cử trước đại hội; niêm phong phiếu bầu chuyên cho đoàn chủ tịch đại hội.

- Trường hợp kiểm phiếu bằng các phương tiện kỹ thuật, ban kiểm phiếu được sử dụng một số kỹ thuật viên không phải là đại biểu đại hội.

- Ngoài các thành viên ban kiểm phiếu, các kỹ thuật viên và đại diện của công đoàn cấp trên giám sát việc kiểm phiếu, ban kiểm phiếu không được phép cho người không có nhiệm vụ vào khu vực kiểm phiếu.

8.6. Bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín

a. Thể thức của phiếu bầu cử

- Phiếu in sẵn danh sách bầu cử phải đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác của người có tên trong danh sách bầu cử, xếp theo thứ tự bảng chữ cái Tiếng Việt đối với toàn bộ danh sách bầu cử hoặc theo khối công tác.

- Phiếu bầu cử phải được đóng dấu của ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập ở góc trái phía trên. Phiếu bầu cử của công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, công đoàn cơ sở thành viên, tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn, được sử dụng con dấu của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở. Trường hợp ở xa, không thể đóng dấu của ban chấp hành công đoàn cơ sở thì phải có chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu ở góc trái, phía trên phiếu bầu.

- Người bầu cử nếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử thì gạch giữa cả chữ họ và tên của người mà mình không bầu.

- Trường hợp danh sách bầu cử có một người hoặc không có số dư, phiếu bầu được chia làm 5 cột, gồm: số thứ tự; họ và tên; chức vụ, đơn vị công tác; đồng ý; không đồng ý. Người bầu cử đánh dấu "x" vào ô đồng ý hoặc ô không đồng ý tương ứng với họ và tên người trong danh sách bầu cử.

- Trường hợp bầu số lượng ít và được đại hội nhất trí thì có thể dùng phiếu bầu viết tay và phải thực hiện theo quy định về mẫu phiếu bầu cử.

b. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ:

- Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra theo thể thức nêu tại điểm a; phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu; phiếu bầu viết tay chỉ ghi tên đối với

danh sách bầu cử không có người trùng tên hoặc chỉ ghi họ và tên đối với danh sách bầu cử không có người trùng họ và tên; phiếu bầu cử bằng hình thức đánh dấu “x” có thực hiện bầu từ một người trở lên (đánh dấu “x” vào một trong hai ô đồng ý hoặc không đồng ý).

- Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu ai trong danh sách bầu cử từ hai người trở lên; phiếu bầu người ngoài danh sách bầu cử; phiếu bầu cử bằng hình thức đánh dấu “x” vào một trong hai ô đồng ý hoặc không đồng ý nhưng không đánh dấu “x” vào ô nào hoặc đánh dấu “x” vào cả hai ô cho toàn danh sách; phiếu bầu bị rách nát, có đánh dấu riêng, ký tên, viết thêm hoặc dùng nhiều loại mực; phiếu bầu viết tay không bầu ai trong danh sách bầu cử có hai người trở lên, hoặc chỉ ghi tên đối với danh sách bầu cử có nhiều người trùng tên, hoặc chỉ ghi họ và tên đối với danh sách bầu cử có nhiều người trùng họ và tên; phiếu bầu in sẵn danh sách (trường hợp bầu có số dư) nhưng chỉ gạch họ và tên đệm, không gạch tên hoặc chỉ gạch chức vụ, đơn vị công tác, không gạch họ và tên; phiếu gạch phía dưới hoặc phía trên họ và tên.

- Trường hợp số phiếu thu về đúng thể thức nhiều hơn số phiếu phát ra, thì ban kiểm phiếu không tiến hành kiểm phiếu mà lập ngay biên bản hiện trạng, đồng thời báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội, hội nghị hủy phiếu bầu cử, thực hiện bầu lại.

- Trường hợp số phiếu thu về nhiều hơn số phiếu phát ra, nhưng chênh lệch do có số lượng phiếu không đúng thể thức, thì ban kiểm phiếu loại số phiếu không đúng thể thức và tiến hành nhiệm vụ kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử theo quy định.

c. Cách tính kết quả bầu cử.

- Kết quả bầu cử được kiểm đếm trên số phiếu thu về hợp lệ. Đối với phiếu bầu cử bằng hình thức đánh dấu “x” vào ô đồng ý hoặc ô không đồng ý, chỉ tính kết quả được bầu đối với người có đánh dấu “x” vào ô đồng ý, không tính kết quả được bầu đối với trường hợp đánh dấu “x” vào cả hai ô hoặc không đánh dấu “x” vào ô nào.

- Trường hợp số người có số phiếu bầu quá một phần hai (1/2) nhiều hơn số lượng uỷ viên ban chấp hành đã được đại hội biểu quyết, thì người trúng cử được lấy theo thứ tự, từ người có số phiếu cao, đến người có số phiếu thấp hơn cho đến khi đủ số lượng.

- Trường hợp có nhiều người có số phiếu quá một phần hai (1/2) ngang nhau mà chỉ cần lấy một hoặc một số người cho đủ số lượng cần bầu, thì phải xin ý kiến đại hội, hội nghị quyết định bầu tiếp trong số những người có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn, trong trường hợp này không cần phải đạt số phiếu bầu quá một phần hai (1/2) so với tổng số phiếu ban kiểm phiếu thu về. Trường hợp bầu lần thứ hai mà số phiếu vẫn ngang nhau thì việc có bầu nữa hay không do đại hội, hội nghị quyết định.

- Trường hợp số người có số phiếu quá một phần hai (1/2) ít hơn số lượng cần bầu, thì đại hội, hội nghị thảo luận và quyết định bầu tiếp cho đủ số lượng ban chấp hành, hoặc không bầu mà lấy số lượng đã trúng cử ít hơn số lượng đại hội, hội nghị đã quyết định.

d. Biên bản bầu cử

- Nội dung biên bản bầu cử phải ghi rõ các nội dung sau: Tổng số đại biểu chính thức được triệu tập; tổng số đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu về; số phiếu bị hủy do không phải phiếu được ban kiểm phiếu phát ra; số phiếu bầu hợp lệ; số phiếu bầu không hợp lệ; số phiếu bầu đủ số lượng; số phiếu bầu thiếu số lượng (trong đó bầu thiếu 1, thiếu 2...); kết quả được bầu theo danh sách bầu cử và kết quả trúng cử theo danh sách từ cao xuống thấp.

- Biên bản kiểm phiếu được lập thành 03 bản có chữ ký của đồng chí trưởng ban kiểm phiếu và đồng chí thay mặt đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị. Ban kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu gửi đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị để giao cho ban chấp hành khoá mới lưu trữ trong thời gian 6 tháng.

đ. Trường hợp cần thiết, ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp hoặc cấp trên trực tiếp được mở niêm phong phiếu bầu. Sau 6 tháng, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ hoặc ban chấp hành (nơi không có ban thường vụ) công đoàn các cấp cho huỷ phiếu bầu cử.

8.7. Bầu cử bằng hình thức biểu quyết giơ tay

- Bầu cử theo hình thức biểu quyết giơ tay được thực hiện bằng cách giơ thẻ đoàn viên, giơ một lần cho cả danh sách bầu cử. Trường hợp không đồng ý với một hoặc một số người trong danh sách, đại biểu giơ “thẻ đoàn viên” để thể hiện quan điểm khi người điều hành bầu cử hỏi ý kiến khác.

- Trường hợp một hoặc một số người trong danh sách bầu cử có nhiều ý kiến biểu quyết không đồng ý có thể đưa ra khỏi danh sách để biểu quyết riêng. Việc biểu quyết riêng đối với một người hoặc một số người do đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị quyết định.

- Đại biểu bầu cử bằng biểu quyết giơ thẻ đoàn viên đã biểu quyết đồng ý thì thôi biểu quyết không đồng ý, trừ trường hợp có ý kiến khác. Trường hợp đại biểu không biểu quyết hoặc biểu quyết cả “đồng ý” và “không đồng ý” trong một trường hợp bầu cử, được tính là không hợp lệ.

- Kết quả bầu cử tính trên số lượng đại biểu chính thức triệu tập có mặt dự đại hội, hội nghị. Người trúng cử phải có số lượng đại biểu biểu quyết đồng ý đạt quá một phần hai (1/2) so với tổng số đại biểu chính thức triệu tập có mặt dự đại hội, hội nghị.

8.8. Bầu cử đại biểu dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên.

- Số lượng đại biểu chính thức bầu dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên thực hiện theo phân bổ của công đoàn cấp trên. Những công đoàn cấp trên

được phân cấp phối hợp chỉ đạo hoạt động công đoàn ngành, nghề, địa phương theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Điều lệ, do công đoàn cấp trên phân bổ (nếu cần), nhưng không quá 10% đại biểu chính thức triệu tập.

- Việc bầu cử đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, theo hướng dẫn tại Mục 8.6, Hướng dẫn này.

- Đại hội, hội nghị công đoàn quyết định việc bầu hoặc không bầu và số lượng bầu đại biểu dự khuyết dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên.

- Khi bầu đại biểu dự khuyết dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên có thể thực hiện bằng cách chọn người có số phiếu bầu đạt quá một phần hai (1/2) liền kề với người có số phiếu thấp nhất đã trúng cử đại biểu chính thức, hoặc tổ chức bầu riêng.

- Việc tổ chức bầu riêng đại biểu dự khuyết dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên chỉ thực hiện sau khi đã bầu đủ số lượng đại biểu chính thức theo phân bổ của công đoàn cấp trên và có thể thực hiện bằng hình thức biểu quyết giơ tay, do đoàn chủ tịch xin ý kiến đại hội, hội nghị quyết định.

9. Ban chấp hành công đoàn các cấp theo Điều 11:

9.1. Số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội, hội nghị công đoàn cấp đó quyết định, theo mức tối đa sau:

a. Ban chấp hành công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận không quá 07 ủy viên. Công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận có dưới 10 đoàn viên chỉ bầu một chức danh chủ tịch.

b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên không quá 17 ủy viên. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên có dưới 10 đoàn viên có thể chỉ bầu một chức danh chủ tịch. Các trường hợp được tăng số lượng ban chấp hành gồm:

- Công đoàn cơ sở hoạt động trên địa bàn một tỉnh, thành phố:

+ Có từ 3.000 đến dưới 10.000 đoàn viên, không quá 19 ủy viên.

+ Có từ 10.000 đến dưới 30.000 đoàn viên, không quá 21 ủy viên.

+ Có từ 30.000 đến dưới 50.000 đoàn viên, không quá 23 ủy viên.

+ Có từ 50.000 đoàn viên trở lên không quá 25 ủy viên.

- Công đoàn cơ sở hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố:

+ Có từ 3.000 đến dưới 10.000 đoàn viên, không quá 21 ủy viên.

+ Có từ 10.000 đến dưới 20.000 đoàn viên, không quá 23 ủy viên.

+ Có từ 20.000 đến dưới 30.000 đoàn viên, không quá 25 ủy viên.

+ Có từ 30.000 đoàn viên trở lên không quá 27 ủy viên.

c. Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 27 ủy viên; ban chấp hành công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn không quá 35 ủy viên.

d. Ban chấp hành công đoàn ngành trung ương và tương đương, ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh, thành phố không quá 35 uỷ viên; công đoàn ngành trung ương, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố có từ 100.000 đoàn viên trở lên có thể tăng thêm số lượng uỷ viên ban chấp hành nhưng không quá 49 uỷ viên. Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội, Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh không quá 55 uỷ viên.

đ. Trường hợp cần phải tăng thêm số lượng ban chấp hành vượt quá số lượng trên phải được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý. Số lượng ban chấp hành tăng thêm không vượt quá 10% so với mức quy định trên.

9.2. Các trường hợp chỉ định ban chấp hành lâm thời công đoàn:

a. Công đoàn cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định ban chấp hành lâm thời công đoàn cấp dưới và các chức danh trong cơ quan thường trực của ban chấp hành lâm thời công đoàn (bằng văn bản) trong các trường hợp sau:

- Khi quyết định thành lập tổ chức công đoàn.
- Khi quyết định hợp nhất, nâng cấp, hạ cấp, chia tách, sáp nhập tổ chức công đoàn.
- Khi ban chấp hành công đoàn bị kỷ luật bằng hình thức giải tán.
- Khi không tổ chức được đại hội theo quy định.
- Khi không tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể, hội nghị ban chấp hành mở rộng theo Mục 7 Hướng dẫn này.

b. Thời gian hoạt động của ban chấp hành lâm thời công đoàn không quá 12 tháng. Trường hợp quá 12 tháng chưa tổ chức được đại hội thì công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định bằng văn bản cho phép kéo dài thời gian hoạt động của ban chấp hành lâm thời không quá 6 tháng, hoặc chấm dứt hoạt động của ban chấp hành lâm thời cũ và chỉ định ban chấp hành lâm thời mới.

c. Khi giải thể tổ chức công đoàn thì đồng thời chấm dứt hoạt động của ban chấp hành, uỷ ban kiểm tra công đoàn.

9.3. Bổ sung uỷ viên ban chấp hành công đoàn.

- Khi khuyết uỷ viên ban chấp hành, hoặc cần tăng thêm số lượng uỷ viên ban chấp hành so với số lượng đã được đại hội biểu quyết thông qua hoặc vượt quá số lượng quy định tại Mục 9.1 Hướng dẫn này, thì ban chấp hành công đoàn cấp đó phải có văn bản đề nghị và được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp.

- Trình tự bầu bổ sung uỷ viên ban chấp hành:

+ Công bố văn bản của công đoàn cấp trên đồng ý cho bầu bổ sung ban chấp hành.

+ Tiến hành bầu cử theo nguyên tắc, thể lệ bầu cử.

+ Tại hội nghị ban chấp hành, người đã thôi tham gia ban chấp hành thì không tham gia bầu cử. Người mới được bầu bổ sung ban chấp hành có quyền ứng cử, đề cử, biểu quyết và bầu cử ngay sau khi trúng cử ban chấp hành.

10. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp theo Điều 12:

10.1. Sau khi công bố kết quả bầu cử ban chấp hành, đoàn chủ tịch đại hội chỉ định một ủy viên ban chấp hành khóa mới làm triệu tập viên hội nghị lần thứ nhất ban chấp hành. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc đại hội, triệu tập viên có nhiệm vụ triệu tập và điều hành hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất theo quy định.

10.2. Hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất công đoàn các cấp có nhiệm vụ bầu Đoàn Chủ tịch (đối với Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn), bầu ban thường vụ (nếu có); bầu các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Trong thời gian chưa tổ chức được hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất, đồng chí triệu tập viên trực tiếp điều hành công việc của ban chấp hành khóa mới.

10.3. Phương thức tiến hành hội nghị lần thứ nhất ban chấp hành

a. Triệu tập viên hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất có nhiệm vụ điều hành bầu đoàn chủ tịch và thư ký hội nghị. Đối với ban chấp hành dưới 15 người có thể chỉ bầu một người chủ trì hội nghị. Trường hợp đại hội công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở đã bầu trực tiếp chủ tịch, thì chủ tịch là người triệu tập và chủ trì hội nghị.

b. Đoàn chủ tịch hoặc người chủ trì hội nghị báo cáo đề hội nghị ban chấp hành thông qua chương trình làm việc và điều hành các nội dung hội nghị theo chương trình đã được hội nghị ban chấp hành biểu quyết thông qua.

c. Hội nghị ban chấp hành thảo luận, quyết định số lượng, cơ cấu Đoàn Chủ tịch (đối với Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn), ban thường vụ; chức danh chủ tịch, số lượng cấp phó, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Việc ứng cử, đề cử, bầu cử thực hiện theo Mục 8 Hướng dẫn này.

10.4. Trình tự bầu cử.

- Bầu Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) trong số ủy viên ban chấp hành.
- Đối với đại hội CĐCS đã bầu trực tiếp chủ tịch, thì chủ tịch được tính trong tổng số ủy viên ban thường vụ và không phải bầu lại.
- Bầu chủ tịch trong số ủy viên Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ).
- Bầu phó chủ tịch trong số ủy viên Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ).
- Bầu ủy ban kiểm tra.
- Bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số các ủy viên ủy ban kiểm tra.

10.5. Tổ chức bầu cử trực tiếp chủ tịch tại đại hội, hội nghị công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở

a. Tất cả các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở đều có thể tổ chức bầu cử trực tiếp chủ tịch tại đại hội, hội nghị công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, theo quy trình sau:

- Quá trình chuẩn bị đại hội, hội nghị, ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có quyền quyết định tổ chức bầu trực tiếp chủ tịch tại đại hội.

- Trường hợp ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở tổ chức lấy ý kiến đoàn viên về bầu cử chủ tịch tại đại hội, hội nghị, phải thực hiện bằng phiếu hỏi. Khi có quá 1/2 đoàn viên đồng ý bầu trực tiếp chủ tịch thì thực hiện theo ý kiến đoàn viên.

- Công đoàn cấp trên có quyền chỉ định công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở bầu cử trực tiếp chủ tịch tại đại hội, hội nghị công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

- Số lượng công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở tổ chức bầu cử trực tiếp chủ tịch theo nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp trên tối thiểu là ba mươi phần trăm (30%) công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở trực thuộc.

b. Nhân sự bầu trực tiếp chủ tịch CĐCS phải đáp ứng yêu cầu sau:

- Đảm bảo về điều kiện và tiêu chuẩn cán bộ công đoàn theo quy định.

- Đã được bầu vào ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

- Không trong thời gian bị công đoàn xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

c. Phương thức tiến hành:

- Ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự bầu chức danh chủ tịch cùng với quá trình chuẩn bị đại hội, hội nghị theo quy định; số lượng chuẩn bị từ 02 người trở lên để giới thiệu với đại hội, hội nghị.

- Đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị tổ chức lấy phiếu giới thiệu của các đại biểu về nhân sự chủ tịch trong số ủy viên ban chấp hành; lựa chọn từ 01 đến 02 người có tỷ lệ giới thiệu cao vào danh sách biểu quyết để bầu chủ tịch công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

- Việc bầu cử chủ tịch công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Kết quả trúng cử chức danh chủ tịch công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở là người có số phiếu bầu cao hơn, nhưng phải đạt trên 50% phiếu bầu.

10.6. Công nhận kết quả trúng cử

a. Chậm nhất năm (05) ngày làm việc sau khi tiến hành bầu cử, ban thường vụ, hoặc ban chấp hành (nơi không có ban thường vụ) phải báo cáo công đoàn cấp trên trực tiếp đề nghị xem xét, công nhận kết quả trúng cử. Hồ sơ công nhận kết quả trúng cử gồm:

- Tờ trình đề nghị công nhận kết quả bầu cử

- Biên bản bầu cử

- Danh sách trích ngang nhân sự trúng cử gồm: Họ và tên, tuổi, giới tính, chức vụ, đơn vị công tác, dân tộc, trình độ (chính trị, văn hóa, chuyên môn).

b. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận kết quả bầu cử, công đoàn cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét và ra quyết định công nhận kết quả bầu cử của công đoàn cấp dưới. Trong thời gian này ban chấp hành, ban thường vụ khóa mới có trách nhiệm điều hành các công việc thường xuyên và nhận bàn giao từ ban chấp hành, ban thường vụ khóa cũ.

c. Trong quá trình xem xét công nhận, nếu phát hiện có sự vi phạm về nguyên tắc, thủ tục bầu cử, công đoàn cấp trên có quyền không công nhận kết quả bầu cử của công đoàn cấp dưới và chỉ đạo tiến hành bầu cử lại. Trường hợp không tiến hành bầu cử lại được, công đoàn cấp trên có quyền chỉ định ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn cấp dưới để đảm bảo hoạt động bình thường của tổ chức công đoàn đó. Trường hợp một hoặc một số chức danh đã được công nhận, nhưng phát hiện không đảm bảo tiêu chuẩn quy định thì công đoàn cấp trên có quyền hủy quyết định công nhận; nếu thấy cần thiết có thể chỉ định đối với một hoặc một số chức danh đó.

d. Kết quả trúng cử Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội Công đoàn Việt Nam thông qua. Kết quả trúng cử Đoàn Chủ tịch, Ủy ban kiểm tra, các chức danh trong Đoàn Chủ tịch, chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tổng Liên đoàn tại hội nghị Ban chấp hành lần thứ nhất và kết quả trúng cử do bầu cử bổ sung đối với các chức danh nêu trên ở các kỳ họp Ban Chấp hành tiếp theo, có hiệu lực ngay sau khi được Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn thông qua. Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ký thông báo kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn.

11. Điều kiện thành lập và hình thức tổ chức công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo Điều 13:

11.1. Công đoàn cơ sở được thành lập trong các đơn vị sử dụng lao động gồm:

a. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (bao gồm cả các công ty con trong nhóm công ty; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp có trụ sở chính ở địa phương khác);

b. Hợp tác xã có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

c. Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập hạch toán độc lập;

d. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

đ. Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng lao động là người Việt Nam;

e. Cơ quan tổ chức khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

f. Trường hợp một đơn vị sử dụng lao động không đủ điều kiện thành lập công đoàn cơ sở, hoặc theo nguyện vọng của người lao động, thì có thể thành lập công đoàn cơ sở ghép trong nhiều đơn vị sử dụng lao động.

11.2. Nghiệp đoàn cơ sở do những người lao động tự do hợp pháp thành lập gồm:

- a. Nghiệp đoàn lao động hành nghề vận tải, dịch vụ vận tải.
- b. Nghiệp đoàn lao động hành nghề thương mại, dịch vụ thương mại, văn hóa, thể thao, du lịch, y tế, y dược.
- c. Nghiệp đoàn lao động hành nghề khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy sản, hải sản.
- d. Nghiệp đoàn lao động hành nghề cơ khí, xây dựng, điện tử, tin học.
- đ. Nghiệp đoàn thợ thủ công, mỹ nghệ, chế tác mỹ phẩm, hàng tiêu dùng.
- e. Nghiệp đoàn lao động giúp việc gia đình...

11.3. Hình thức tổ chức công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn:

a. Tùy theo số lượng đoàn viên và tính chất, địa bàn hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị lao động; số lượng đoàn viên của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, có thể tổ chức các công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

b. Việc thành lập công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận do ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở quyết định; đồng thời phải phân cấp một số nhiệm vụ, quyền hạn và hướng dẫn nội dung cụ thể để công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn, tổ chức các hoạt động.

12. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo Điều 14:

12.1. Ban vận động thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở:

a. Nơi chưa có công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, người lao động là đoàn viên hoặc chưa là đoàn viên công đoàn được vận động người lao động khác gia nhập công đoàn, liên kết thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, thông qua hình thức tổ chức ban vận động.

b. Trong quá trình ban vận động tiến hành vận động người lao động gia nhập công đoàn, liên kết thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, các thành viên ban vận động cử trưởng ban vận động và liên hệ công đoàn cấp trên gần nhất để được hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ.

c. Khi có 05 người trở lên (gồm người lao động đang là đoàn công đoàn và người lao động có đơn gia nhập công đoàn) tự nguyện liên kết thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, trưởng ban vận động liên hệ công đoàn cấp trên để được giúp đỡ công tác chuẩn bị và tổ chức hội nghị thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

12.2. Hội nghị thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở:

- a. Thành phần dự hội nghị thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở gồm:
 - Ban vận động thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.